

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ - ST

Ngày 14/9/2020

“V/v ly hôn giữa chị B
và anh Q”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đức Lâm

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXX- HNGĐ ngày 19/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Ngọc B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm Ô, xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Ngõ Không, xã Châu Minh, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 19/5/2020, Bản tự khai ngày 23/6/2020, nguyên đơn là chị Ngô Thị Ngọc B trình bày: Chị và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau ngày tháng 01/2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới anh chị đoàn tụ ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận được một năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q ham mê cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát cãi nhau. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn chung sống bình thường đến 2008 thì ly thân, chị về nhà mẹ đẻ và chấm dứt quan hệ tình cảm với anh Q. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Q.

Tại Bản tự khai ngày 23/6/2020, bị đơn là anh Trần Văn Q thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị B trình bày. Vợ chồng chung sống hòa thuận

đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay xô sát, cãi nhau. Đến năm 2018 thì chị B bỏ về nhà mẹ đẻ và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn Chị B.

Về con chung: cả hai anh chị đều trình bày, vợ chồng anh chị có 2 con chung là Trần Trọng Hiếu, sinh ngày 09/11/2009 và Trần Minh Phong, sinh ngày 30/7/2013, hiện cả 2 con đang ở với chị B. Khi ly hôn, chị B đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Q cấp Dưỡng. Anh Q cũng đề nghị cho chị B được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản, công sức, công nợ: Chị B và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị Ngọc B giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Q và yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Bị đơn là anh Trần Văn Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Ngọc B, xử cho chị B được ly hôn anh Trần Văn Q.

- Về con chung: Giao cho chị B được nuôi cả hai con chung là Trần Trọng Hiếu, sinh ngày 09/11/2009 và Trần Minh Phong, sinh ngày 30/7/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do các đương sự không yêu cầu.

- Án phí: chị B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Mặc dù bị đơn là anh Trần Văn Q vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Q.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Ngọc B và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau ngày 05/3/2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn do anh Q ham chơi, không tu chí làm nên vợ chồng thường xảy ra xô sát, bất hòa. Do không dàn xếp được nên đến năm 2018 thì chị B bỏ về nhà mẹ đẻ, chấm dứt quan hệ tình cảm với anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy, cho đến nay, thời gian anh chị sống ly thân nhau đã lâu nhưng đôi bên không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng,

không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù anh Q thay đổi Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và hòa giải thành với mong muốn trở lại đoàn tụ nhưng lại không đến phiên tòa, điều đó cho thấy anh Q không thiết tha với nguyện vọng đoàn tụ. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị B, xử cho chị B được ly hôn anh Q là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Trọng Hiếu, sinh ngày 09/11/2009 và Trần Minh Phong, sinh ngày 30/7/2013, hiện đang được chị B nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị B trình bày chị làm nghề thợ may, nhận may gia công tại nhà, thu nhập ổn định, khoảng 8.000.000đ/tháng, mặt khác chị vẫn được gia đình chị giúp đỡ trong việc chăm sóc con cái nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Q cũng đồng ý cho chị B được nuôi cả hai con chung, các con chung của anh chị cũng mong muốn được chị B nuôi dưỡng, điều kiện nuôi con của chị B đảm bảo, do đó cần giao cho chị B được nuôi cả hai con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị B không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

[3]. Về tài sản, công sức, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị B không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên chị B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị B đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Ngọc B được ly hôn anh Trần Văn Q.

2/ Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Ngọc B được nuôi cả hai con chung là Trần Trọng Hiếu, sinh ngày 09/11/2009 và Trần Minh Phong, sinh ngày 30/7/2013. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Anh Trần Văn Q được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

3/ Án phí: Chị Ngô Thị Ngọc B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003834 ngày 23/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa (xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí).

Báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- UBND xã Xuân Cẩm
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà